

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN QUYỀN YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN/QUYẾT ĐỊNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

ĐỖ VĂN ĐẠI

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: dvdai@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định các điều kiện để thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, bài viết chỉ ra rằng có sự nhầm lẫn giữa yêu cầu “công nhận và cho thi hành” và yêu cầu “thi hành” bản án/quyết định nước ngoài, đồng thời cho rằng các quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chưa thuyết phục. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, bài viết khuyến nghị cần có sự điều chỉnh trong quy định này ở Việt Nam.

Từ khóa: công nhận, cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài, tòa án, tố tụng dân sự

Abstract

The 2015 Civil Procedure Code stipulates the conditions for exercising the right to request recognition and enforcement of foreign judgments/decisions in Vietnam. However, the article points out that there is a confusion between the request for “recognition and enforcement” and the request for “enforcement” of foreign judgments/decisions, and the request in the 2015 Civil Procedure Code is not convincing. Based on foreign experience, the article shows that this is a point where change is needed in Vietnam.

Keywords: recognition, enforcement of foreign judgments/decisions, courts, civil procedure

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.229>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

Trong pháp luật Việt Nam, xoay quanh bản án/quyết định nước ngoài (trong đó có cả phán quyết của trọng tài nước ngoài), có ba khái niệm liên quan đến nhau: “công nhận”, “công nhận và cho thi hành” và “thi hành” bản án/quyết định nước ngoài.

Khái niệm thứ nhất là “công nhận” bản án/quyết định nước ngoài. Chẳng hạn, Điều 431 BLTTDS năm 2015 quy định về “Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài đương nhiên được công nhận tại Việt Nam”. Quy định này chỉ tập trung vào việc “công nhận” (không tập trung vào việc “cho thi hành”) bản án/quyết định nước ngoài.

Khái niệm thứ hai là “công nhận và cho thi hành” bản án/quyết định nước ngoài. BLTTDS năm 2015 có nhiều quy định về “công nhận và cho thi hành tại Việt Nam” bản án/quyết định nước ngoài và Điều 1 BLTTDS năm 2015 đã khẳng định “Bộ luật tố tụng dân sự quy định (...) thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài”. Thực tế, BLTTDS năm 2015 chưa cho biết nội hàm khái niệm “công

nhận và cho thi hành” bản án/quyết định nước ngoài. Ở đây, “công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài là việc thừa nhận và cho phép thi hành”¹ bản án, quyết định này tại Việt Nam. Nhìn chung, công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài ở Việt Nam là việc Việt Nam thừa nhận hiệu lực pháp luật của bản án/quyết định nước ngoài và cho phép thi hành bản án/quyết định này trên lãnh thổ Việt Nam.

Khái niệm thứ ba là “thi hành” bản án/quyết định nước ngoài. Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2014) khẳng định: “Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm: bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam” (điểm d khoản 1). Ở đây, “thi hành được hiểu là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cho quyết định, bản án được thi hành trên thực tế”.² BLTTDS năm 2015 dùng cụm từ “công nhận và cho thi hành” (Điều 1) và Luật Thi hành án dân sự sử dụng cụm từ “thi hành”. “Cho thi hành” chỉ là khả năng quyết định nước ngoài được thi hành tại Việt Nam, còn thực tế quyết định nước ngoài có được thi hành hay không, thi hành như thế nào tại Việt Nam là vấn đề khác, được điều chỉnh bởi quy định khác trong đó có Luật Thi hành án dân sự.

Bài nghiên cứu này chỉ tập trung vào “công nhận và cho thi hành” bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam. Một khi bản án/quyết định này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, việc bản án/quyết định đó thực tế được thi hành tại Việt Nam như thế nào là vấn đề khác, được điều chỉnh bởi các quy định về thi hành án dân sự. Bài viết cũng không tập trung vào trường hợp chỉ “công nhận” mà không có nội dung “cho thi hành” bản án/quyết định nước ngoài.³

1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Nội dung điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam

BLTTDS năm 2015 ghi nhận “Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước

1 Viện Khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao, “Những vấn đề lý luận và thực tiễn của công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài”, *Chuyên đề Khoa học xét xử*, 2009, tr. 8.

2 Như trên.

3 Về việc không được nhầm lẫn giữa các khái niệm này, xem Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quỳ và Ngô Quốc Chiến, *Tư pháp quốc tế Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2023 (xuất bản lần thứ ba), phần số 209.

ngoài” tại Điều 425. Quyền này đã được ghi nhận trong BLTTDS năm 2004 tại Điều 344 với tiêu đề “Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài”.

Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài là quyền có điều kiện. Bởi lẽ, theo khoản 1 Điều 425 BLTTDS năm 2015, “người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài, nếu cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu”. Đây là quy định kế thừa khoản 1 Điều 344 BLTTDS năm 2004, theo đó “người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài, nếu cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài có tại Việt Nam vào thời điểm gửi đơn yêu cầu”. Theo đó, chủ thể có quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam, nhưng quyền này là có điều kiện và điều kiện để thực hiện quyền yêu cầu được thể hiện trong đoạn in nghiêng nêu trên.

Thực tế, pháp luật tố tụng dân sự có quy định khác tương ứng với điều kiện nêu trên. Kế thừa BLTTDS năm 2004, BLTTDS năm 2015 tiếp tục quy định “Thẩm quyền giải quyết việc dân sự của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau: Tòa án nơi người phải thi hành bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành án là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành án có trụ sở, nếu người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án nước ngoài”, “Tòa án nơi người phải thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành có trụ sở, nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan

đến việc thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài” (điểm d và e khoản 2 Điều 39).

Từ quy định nêu trên, BLTTDS năm 2015 (kế thừa BLTTDS trước đây) còn yêu cầu Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phải có “Họ, tên, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người phải thi hành; nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức thì ghi đầy đủ tên và địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó; trường hợp người phải thi hành là cá nhân không có nơi cư trú hoặc nơi làm việc tại Việt Nam, người phải thi hành là cơ quan, tổ chức không có trụ sở chính tại Việt Nam thì trong đơn yêu cầu phải ghi rõ địa chỉ nơi có tài sản và các loại tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam” (điểm b khoản 1 Điều 433).

1.2. Từ chối xem xét khi không có hiện diện tại Việt Nam ở thời điểm yêu cầu

Trong thực tiễn, khi không có cơ sở để xác định có nơi cư trú/trụ sở, nơi làm việc hay tài sản của người phải thi hành ở Việt Nam theo quy định trên (tại thời điểm có đơn yêu cầu), yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài không có cơ hội được xem xét tại Việt Nam. Chẳng hạn, theo một công văn năm 2007, “Bộ Tư pháp nhận được đơn và hồ sơ xin công nhận bản án 6 F 405/04 ngày 07-3-2005 của Tòa án Ohringen Cộng hòa liên bang Đức đối với Nguyễn Thị Hồng Ngọc và Werner Kuch (...). Qua nghiên cứu hồ sơ, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung đơn của bà Ngọc đề nghị công nhận bản án của Tòa án Đức tại Việt Nam nhưng cả hai đương sự hiện cư trú tại Đức, trong đơn không chỉ ra đương sự có tài sản, quyền và nghĩa vụ gì tại Việt Nam liên quan đến bản án, do vậy Bộ Tư pháp không xác định được Tòa án Việt Nam có thẩm quyền xử lý vụ việc cụ thể này”.⁴

Tương tự như vậy, trong một vụ việc khác, theo Bộ Tư pháp: “Sau khi nghiên cứu hồ sơ và căn cứ vào các quy định của BLTTDS, Bộ Tư pháp thấy rằng, theo quy định tại Điều 35 BLTTDS về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì cả hai đương sự liên quan đến bản án đề nghị công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hiện đang cư trú ở Đức. Trong đơn yêu cầu công nhận cũng không chỉ ra đương sự có tài sản, quyền và nghĩa vụ gì tại Việt Nam liên quan đến bản án. Do vậy, Bộ Tư pháp không xác định được Tòa án Việt Nam nào là Tòa án có thẩm quyền xử lý vụ việc này. Vì vậy, Bộ Tư pháp xin thông báo (...) và trả lại hồ sơ và đơn”⁵. Một điểm đáng lưu ý trong các công văn vừa nêu là trước khi kết luận Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền Bộ Tư pháp có nêu “trong đơn không chỉ ra đương sự có tài sản, quyền và nghĩa vụ gì tại Việt Nam”.

4 Công văn số 2687/BTP-PLQT ngày 20/6/2007 của Bộ Tư pháp.

5 Công văn số 399/BTP-PLQT ngày 14/5/2008 của Bộ Tư pháp.

Trong thực tiễn tư pháp, Tòa án cũng có quyết định theo hướng nêu trên. Chẳng hạn, theo một quyết định năm 2021, “cấp phúc thẩm thấy rằng, lý do Tòa án sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự là vì không xác định được địa chỉ của bà V là người phải thi hành án và địa điểm nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành án là phù hợp quy định tại điểm e khoản 4 Điều 437 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu đề nghị Tòa xác minh tài khoản Ngân hàng của bà V tại Vietinbank; Vấn đề này Tòa sơ thẩm đã có công văn số 01/TA-DS ngày 04/01/2021 gửi Ngân hàng và Ngân hàng cũng đã có công văn phúc đáp số 06/LAN-KT.KTNB.m ngày 22/01/2021, nội dung bà V có mở tài khoản tại Ngân hàng nhưng hiện tại không có số dư. Còn về nơi cư trú của bà V cũng đã có xác minh của Công an xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An xác nhận hiện nay bà V không có sinh sống tại địa phương. Do kháng cáo của ông P là người đại diện theo ủy quyền của ông O Kunihiro tại giai đoạn phúc thẩm phía người yêu cầu cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới về địa chỉ cũng như tài sản của bà V liên quan đến việc thi hành án. Nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo”.⁶ Nội dung trên cho thấy, xuất phát từ điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam, Tòa án (cũng như Bộ Tư pháp) đã từ chối xem xét yêu cầu công nhận và cho thi hành khi điều kiện này không được đáp ứng ở thời điểm có đơn yêu cầu.

2. Pháp luật các quốc gia về điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài

2.1. Không yêu cầu người phải thi hành có tài sản hay hiện diện khác ở thời điểm yêu cầu công nhận và cho thi hành

Tại nước ngoài, không ít hệ thống pháp luật theo hướng yêu cầu công nhận và cho thi hành được xem xét dù người phải thi hành không có tài sản hay hiện diện khác tại nước yêu cầu ở thời điểm có đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành.

Ví dụ, công ty của Luxembourg xác lập hợp đồng với công ty của Nga trong đó có thỏa thuận trọng tài. Các bên có tranh chấp và trọng tài chịu sự điều chỉnh của pháp luật bang New York (Mỹ). Sau khi phán quyết trọng tài được ban hành tại New York, bên được thi hành tiến hành yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Tòa án Pháp. Bên phải thi hành đề nghị Tòa án Pháp không tiếp nhận yêu cầu với lý do bên phải thi hành không có bất kỳ tài sản nào trên lãnh thổ Pháp. Ở đây, bên phải thi hành và bên được thi hành không phải là công ty Pháp và cũng không có tài

6 Quyết định số 10/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh.

sản của bên phải thi hành tại Pháp ở thời điểm yêu cầu công nhận và cho thi hành. Tuy nhiên, Tòa phúc thẩm Paris đã không chấp nhận lập luận của bên phải thi hành với lý do Bộ luật Tổ tụng dân sự Pháp “trao cho các bên quyền yêu cầu công nhận một phán quyết trọng tài, có nghĩa là đưa phán quyết này vào hệ thống của Pháp, cho dù bên phải thi hành không có tài sản, không có thể bị cưỡng chế thi hành trên lãnh thổ quốc gia”.⁷

Trong tranh chấp này, có sự tách biệt “giữa công nhận, cho thi hành với cưỡng chế thi hành phán quyết trọng tài”⁸ và, để công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Pháp, không nhất thiết bên phải thi hành có tài sản tại Pháp ở thời điểm có yêu cầu công nhận và cho thi hành. Điều 1516 BLTTDS Pháp quy định Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng của Paris có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài khi “phán quyết trọng tài được ban hành ở nước ngoài” cũng không kèm theo điều kiện về tài sản hay sự hiện diện tại Pháp của người phải thi hành ở thời điểm yêu cầu công nhận và cho thi hành. Một Dự thảo Bộ luật Tư pháp quốc tế năm 2022 của Pháp còn nhấn mạnh “Yêu cầu công nhận và cho thi hành không bị lệ thuộc vào việc người có nghĩa vụ có tài sản trên lãnh thổ Pháp để thực hiện các biện pháp thi hành” (Điều 173).

Cách tiếp cận nêu trên không là đặc thù của Pháp. Một số hệ thống khác cũng ít chú trọng xem xét sự hiện diện của người phải thi hành ở thời điểm yêu cầu công nhận và cho thi hành. Ở Anh, Tòa án cũng theo hướng này vì “sự hiện diện của tài sản để xử lý ở Anh không là điều kiện để theo đuổi việc cho thi hành một quyết định nước ngoài tại Anh”.⁹ Tại Canada, “thẩm quyền của Tòa án về công nhận và cho thi hành cũng không bị lệ thuộc vào việc kiểm tra về sự tồn tại một mối quan hệ giữa vụ việc và Canada và, đặc biệt, việc tồn tại tài sản của người phải thi hành không quan trọng”.¹⁰ Thực tế, “Tòa án tối cao Canada đã thống nhất ghi nhận thẩm quyền của Tòa án bang Ontario để xem xét yêu cầu của người Ecuador nhằm công nhận và thi hành ở Ontario một quyết định Ecuador cho họ được hưởng bồi thường thiệt hại mặc dù người phải thi hành không có tài sản, không có quan hệ với Ontario”.¹¹

2.2. Điều kiện là chỉ cần có lợi ích trong việc yêu cầu

Các quy định về công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài tại Pháp không có nội dung đưa ra điều kiện cho việc yêu cầu. Tuy

7 CA Paris, pôle 1, ch. 1, 15-1-2013, n° 11/03911.

8 Sylvain Bollée, “La recevabilité de l’exequatur à toutes fins utiles”, *Revue de l’Arbitrage*, 2013, tr. 784.

9 Fabien Marchadier, “L’intérêt à agir en exequatur devant le juge français n’est pas subordonné à la présence en France de biens appartenant au débiteur”, *Revue critique de droit international privé*, 2020, tr. 295.

10 Fabien Marchadier, *tlld*, tr. 295.

11 Valérie Parisot, “Conflit de juridictions”, *Journal du droit international (Clunet)* n° 4, Octobre-Novembre-Décembre 2020, tr. 20.

nhiên, theo Điều 31 BLTTDS Pháp, “Quyền yêu cầu được ghi nhận cho tất cả những ai có một lợi ích chính đáng khi thành công hay bác bỏ một yêu cầu”. Ở đây, “có lợi ích trong việc yêu cầu luôn là điều kiện cần thiết để thụ lý tại Tòa án”.¹² Quy định này áp dụng cho yêu cầu Tòa án nói chung nên cũng áp dụng cho yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Pháp. Với quy định đó, người yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài tại Pháp phải chứng minh được rằng mình có lợi ích trong việc yêu cầu. Tòa án tối cao Pháp đã có án lệ hiểu lợi ích này theo nghĩa rất rộng, tạo điều kiện cho việc xem xét yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài tại Pháp.

Trong một vụ việc được giám đốc thẩm năm 2019, bên yêu cầu (bên được thi hành) là Mỹ, bên phải thi hành là Đan Mạch, không có tài sản ở Pháp và quyết định được yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Pháp là quyết định của Tòa án Mỹ công nhận phán quyết trọng tài buộc bên Đan Mạch trả cho bên Mỹ một số tiền (cũng như vụ việc trên, bên phải thi hành và bên được thi hành không có quốc tịch Pháp). Bên phải thi hành phản đối yêu cầu công nhận và cho thi hành này với lý do bên phải thi hành không có tài sản tại Pháp, quyết định của Mỹ không thể là đối tượng được cưỡng chế thi hành tại Pháp. Tuy nhiên, Tòa án tối cao Pháp đã không chấp nhận lập luận đó với lý do “lợi ích trong việc yêu cầu tồn tại khi người yêu cầu công nhận, cho thi hành là bên trong một vụ tranh chấp mà quyết định nước ngoài được ban hành có lợi cho họ và không cần phải có tài sản trên lãnh thổ Pháp để phục vụ cho biện pháp cưỡng chế thi hành”.¹³

Từ đó, có thể thấy “theo án lệ, khả năng thi hành đối với quyết định nước ngoài ở nước ban hành là đặc tính duy nhất, đủ để cho thấy lợi ích của việc yêu cầu tồn tại. Quốc tịch, nơi cư trú/thường trú của người yêu cầu cũng như chứng cứ về sự tồn tại tài sản của người phải thi hành không là điều kiện cần thiết cho việc chứng minh sự tồn tại của lợi ích của việc yêu cầu”;¹⁴ “Lợi ích trong việc yêu cầu công nhận và cho thi hành không thể hiện trong khả năng cụ thể và thực tế thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với tài sản của người phải thi hành ở Pháp mà ở khả năng tiềm ẩn thực hiện các biện pháp này đối với tài sản nếu nó tồn tại”.¹⁵

12 Valérie Parisot, *tlđđ*.

13 Cass.civ.1re, 26 juin 2019; JCP G 2019, 916, p. 1622, note A. Danet; JDI 2020, chron. 5, spéc. p. 801, obs. K. Mehtiyeva; BICC n° 913, 15 déc. 2019, n° 1120, p. 19; D. 2019, Pan., spéc. p. 1965, obs. S. Bollée; D. 2020, Pan., spéc. p. 964, obs. F. Jault-Seseke; Dr. & patr. 2020, n° 304, chron., spéc. p. 62, obs. É. Fongaro; Rev. crit. DIP 2020, p. 295, note F. Marchadier.

14 Éric Fongaro, “Intérêt à agir en *exequatur*: absence de biens en France”, *Droit et Patrimoine*, N° 304, 1er juillet 2020.

15 Anaïs Danet, “Exequatur d’un jugement d’homologation: nul besoin de biens saisissables”, *JCP.G*, 2019, act. 916.

Từ vụ việc trên, các nghiên cứu về pháp luật Pháp khẳng định “không cần người phải thi hành nước ngoài, có cư trú/có trụ sở nước ngoài, có tài sản tại Pháp. Nếu được chấp nhận, việc công nhận và cho thi hành luôn trao cho người được thi hành một lợi ích, hiện tại hay tương lai, trực tiếp hay gián tiếp, để phục vụ cho mục đích thi hành hay công nhận. Nếu lợi ích này không tồn tại trong hiện tại, nó ít nhất cũng tiềm ẩn. Lợi ích tồn tại từ chính quyết định nước ngoài và khả năng thi hành của nó. Trong bối cảnh như vậy, có vẻ không có bất kỳ giới hạn nào, cũng không có lạm dụng nào. Yêu cầu thi hành ở nhiều nước khác nhau không loại trừ lợi ích của việc yêu cầu công nhận, cho thi hành tại Pháp. Chiến lược này không bị coi là lạm dụng quyền. Nó không có mục đích xâm hại tới người phải thi hành mà tăng khả năng cho người được thi hành có được lợi ích của mình. Quyết định nước ngoài có thể là một đe dọa cho bên phải thi hành ở nước mà việc công nhận và cho thi hành được yêu cầu. Nó không phải hoàn toàn vô hại đối với người phải thi hành nếu người phải thi hành có tài sản ở nước khác”.¹⁶ Nói cách khác, “yêu cầu công nhận và cho thi hành đối với quyết định nước ngoài được chấp nhận dù người phải thi hành không có bất kỳ gắn bó nào với Pháp”.¹⁷

3. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam

3.1. Cần phân biệt công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam với thi hành án

Hiện nay, tác giả vẫn chưa tìm thấy tài liệu lý giải vì sao BLTTDS năm 2015 đưa ra các điều kiện về thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành như đã phân tích. Điều này dẫn đến việc cơ quan Việt Nam đã từ chối xem xét nhiều yêu cầu công nhận và cho thi hành như đã thấy. Nhiều quan điểm cho rằng điều kiện đó xuất phát từ việc thi hành án. Tuy nhiên, “ở giai đoạn công nhận và cho thi hành quyết định dân sự nước ngoài, yếu tố thi hành chưa thực sự cần thiết được đặt ra như chưa thực sự cần đến tài sản của bên phải thi hành để xem xét việc công nhận và cho thi hành”.¹⁸

Theo tác giả, pháp luật Việt Nam hiện hành có quy định làm cho người quan tâm hiểu rằng có sự nhầm lẫn giữa “công nhận và cho thi hành” với “thi hành” quyết định nước ngoài tại Việt Nam. “Ở giai đoạn công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài, chúng ta mới chỉ xem xét công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài, chưa phải là giai đoạn thi hành quyết định nước ngoài nên đòi hỏi trên không thực sự

¹⁶ Fabien Marchadier, *tlđđ*, tr. 295.

¹⁷ Valérie Parisot, Valérie Parisot, *tlđđ*.

¹⁸ Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quỳnh và Ngô Quốc Chiến, *tlđđ*, phần số 209.

thuyết phục”.¹⁹ Khi đối chiếu với đơn yêu cầu thi hành án dân sự, chúng ta thấy yêu cầu để công nhận và cho thi hành còn khắt khe hơn yêu cầu để thi hành án. Bởi lẽ, theo điểm đ khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2014), “Đơn yêu cầu thi hành án có các nội dung chính sau đây: Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, nếu có”. Nội dung trên cho thấy ngay cả ở giai đoạn thi hành án dân sự, không bắt buộc phải cung cấp “thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án” và đó chính là quy định mâu thuẫn trong cùng một hệ thống, nên cần được xem xét lại trong tương lai.

3.2. Cần xem xét lại quy định về điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam

Như đã phân tích ở trên, các quy định pháp luật hiện hành đưa ra những điều kiện để chủ thể hưởng quyết định nước ngoài thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định đó tại Việt Nam. Trên thực tế, đây chỉ là giai đoạn công nhận và cho thi hành, chưa phải là giai đoạn thi hành và việc thi hành có thể chưa được tiến hành ngay sau khi quyết định công nhận và cho thi hành có hiệu lực pháp luật mà có thể được tiến hành trong thời hạn khá dài là năm năm.²⁰

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam áp đặt thời hiệu ba năm đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài (đối với quyết định của Tòa án²¹ cũng như phán quyết trọng tài²²) và thời hiệu này không lệ thuộc vào việc người phải thi hành có tài sản, cư trú/thường trú/trụ sở hay nơi làm việc tại Việt Nam, mà lệ thuộc vào thời điểm quyết định nước ngoài có hiệu lực pháp luật. Chính quy định về thời gian này đã cản trở việc yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam khi thời hạn yêu cầu công nhận và cho thi hành đã hết.²³ Vì vậy,

¹⁹ Như trên.

²⁰ Khoản 1 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2014), “Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án”.

²¹ Theo khoản 1 Điều 432 BLTTDS năm 2015, “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài có hiệu lực pháp luật, người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định cùng là thành viên hoặc Tòa án Việt Nam có thẩm quyền quy định tại Bộ luật này để yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự đó”.

²² Theo khoản 1 Điều 451 BLTTDS năm 2015, “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không quy định hoặc không có điều ước quốc tế liên quan để yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết đó”.

²³ Xem Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quý và Ngô Quốc Chiến, *tlđđ*, phần số 257 và tiếp theo.

để bảo vệ quyền lợi của người yêu cầu công nhận và cho thi hành trước áp lực về thời gian (thời hiệu yêu cầu ba năm), chúng ta cần xem xét lại các điều kiện thực hiện quyền yêu cầu nêu trên.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy “việc người phải thi hành không có tài sản nào ở thời điểm yêu cầu Tòa án xem xét không có nghĩa là sẽ không bao giờ có. Trên cơ sở toàn cầu hóa và phi vật chất hóa các trao đổi, không loại trừ tài sản quá cảnh ở nước mà việc công nhận, cho thi hành được yêu cầu. Lúc này, người được thi hành sẽ có một căn cứ có thể thi hành ngay cho phép họ ứng xử nhanh và xử lý tài sản ngân hàng hay tài sản khác dù tạm thời ở nước được yêu cầu”.²⁴ Do đó, chúng ta cần tạo điều kiện cho chủ thể khả năng yêu cầu công nhận và cho thi hành dù các yếu tố về tài sản, cư trú/thường trú/trụ sở hay nơi làm việc ở Việt Nam chưa tồn tại ở thời điểm tiến hành yêu cầu.

Vì thế, “nếu cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu”, cần cho phép thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành và Tòa án có thẩm quyền xem xét theo các quy định như hiện nay (đã nêu ở trên).

Ngược lại, nếu không có các yếu tố vừa nêu ở thời điểm yêu cầu, vẫn nên cho phép thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam và cần xác định Tòa án có thẩm quyền theo yếu tố khác. Ở Pháp, đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (được tuyên ở nước ngoài), Điều 1516 BLTTDS Pháp quy định “phán quyết trọng tài chỉ có thể bị cưỡng chế trên cơ sở một quyết định công nhận, cho thi hành của Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng Paris nếu phán quyết được ban hành ở nước ngoài”. Điều đó có nghĩa là “người yêu cầu công nhận, cho thi hành chỉ có thể yêu cầu Tòa án Paris”²⁵ và không quan tâm tới việc người phải thi hành có tài sản, cư trú/thường trú/trụ sở hay nơi làm việc ở đâu. Chúng ta cũng có thể theo cách tiếp cận này nếu các yếu tố về thẩm quyền lãnh thổ trên không tồn tại và có thể trao thẩm quyền xem xét cho Tòa án nhân dân TP. Hà Nội hay Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Đơn yêu cầu hiện nay phải có thông tin về tài sản, nơi cư trú/thường trú/trụ sở hay nơi làm việc của người thi hành. Khi theo hướng mới được đề xuất ở trên, có thể bỏ các yêu cầu đó trong Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành, nhất là khi việc yêu cầu được tiến hành tại

²⁴ Fabien Marchadier, *tlđđ*, tr. 295.

²⁵ Jacques Béguin và Jérôme Ortscheidt, “Un second souffle pour l’arbitrage – Arbitrage international – À propos du décret du 13 janvier 2011”, *JCP.G* 2011, 467, phần số 7.

Tòa án nhân dân TP. Hà Nội hay Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo hướng mới nêu trên.

Kết luận

BLTTDS năm 2015 có quy định về điều kiện thực hiện quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài tại Việt Nam. Các điều kiện này làm cho yêu cầu công nhận và cho thi hành như yêu cầu thi hành quyết định nước ngoài còn khắt khe hơn các điều kiện thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Kinh nghiệm nước ngoài cho thấy điều kiện đặt ra như hiện nay là không thuyết phục, cản trở người hưởng bản án/quyết định nước ngoài bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Do đó, tác giả cho rằng cần xem lại các điều kiện hiện nay và hoàn thiện các quy định tương ứng để đáp ứng nhu cầu của người được hưởng quyết định nước ngoài như đã nêu ở trên. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Jacques Béguin và Jérôme Ortscheidt, “Un second souffle pour l’arbitrage- Arbitrage international – À propos du décret du 13 janvier 2011”, *JCP.G* 2011, 467 [trans: Jacques Béguin and Jérôme Ortscheidt, A second wind for arbitration. – International arbitration – About the decree of January 13, 2011, *JCP.G* 2011, 467]
- [2] Sylvain Bollée, “La recevabilité de l’exequatur à toutes fins utiles”, *Revue de l’Arbitrage*, 2013 [trans: Sylvain Bollee, “The admissibility of the exequatur for all purposes”, *Arbitration Review*, 2013]
- [3] Anaïs Danet, “Exequatur d’un jugement d’homologation: nul besoin de biens saisissables”, *JCP.G* 2019, act. 916 [trans: Anaïs Danet, “Exequatur of a homologation judgment: no need for seizable assets”, *JCP.G* 2019, act. 916]
- [4] Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quý và Ngô Quốc Chiến, *Tư pháp quốc tế Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2023 (xuất bản lần thứ ba) [trans: Do Van Dai, Mai Hong Quy and Ngo Quoc Chien, *Vietnamese private international law*, Hong Duc Publishing House, 2023 (third edition)]
- [5] Éric Fongaro, “Intérêt à agir en exequatur: absence de biens en France”, *Droit et Patrimoine*, n° 304, 1er juillet 2020 [trans: Eric Fongaro, “Interest in acting in exequatur: absence of assets in France”, *Law and Heritage*, No. 304, July 1, 2020]
- [6] Fabien Marchadier, “L’intérêt à agir en exequatur devant le juge français n’est pas subordonné à la présence en France de biens appartenant au débiteur”, *Revue critique de droit international privé*, 2020 [trans: Fabien Marchadier, The interest in taking exequatur action before the French judge is not subject to the presence in France of property belonging to the debtor”, *Critical review of private international law*, 2020]
- [7] Valérie Parisot, “Conflit de juridictions”, *Journal du droit international* (Clunet) n° 4, Octobre-Novembre-Décembre 2020, 20 [trans: Valérie Parisot, “Conflict of jurisdictions”, *Journal of International Law* (Clunet) No. 4, October-November-December 2020]
- [8] Viện Khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao, “Những vấn đề lý luận và thực tiễn của công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài”, *Chuyên đề Khoa học xét xử*, 2009 [trans: Supreme People’s Court Institute of Trial Science, Theoretical and practical issues of recognition and enforcement in Vietnam of civil judgments, decisions of foreign courts and decisions of foreign arbitration, *Forensic Science Special Topic*, 2009]